

CẨM NANG PHÁP LUẬT DÀNH CHO SINH VIÊN

LƯU HÀNH NỘI BỘ



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

5/2022

MỤC LỤC

I. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN	4
1. Văn bản pháp luật.....	5
2. Các hành vi sinh viên không được làm	5
3. Mức xử lý kỷ luật.....	5
II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH KHI THAM GIA LƯU THÔNG ĐƯỜNG BỘ.....	13
1. Văn bản pháp luật.....	14
2. Hành vi vi phạm giao thông của người điều khiển phương tiện xe gắn máy	14
3. Hành vi vi phạm giao thông của người điều khiển phương tiện xe ô tô....	19
III. CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN NINH MẠNG.....	32
1. Văn bản pháp luật.....	33
2. Một số hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng.....	33
3. Các biện pháp xử phạt	35
IV. CÁC QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG MA TÚY	37
1. Văn bản pháp luật.....	38
2. Khái quát chung về ma túy	38
3. Tội phạm về ma túy theo Bộ Luật Hình sự.....	40
3.1. Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 247).....	41
3.2. Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248).....	42
3.3. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249).	44
3.4. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250).....	46
3.5. Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251).....	48

3.6. Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252).....	50
3.7. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 253).....	52
3.8. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 254).....	55
3.9. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255).....	56
3.10. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256).....	59
3.11. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257). 60	
3.12. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258).....	62
3.13. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259).....	65
4. Quy định của pháp luật Việt Nam về phòng chống ma túy.....	67
4.1. Các hành vi bị nghiêm cấm.....	67
4.2. Trách nhiệm phòng chống ma túy.	69
4.3. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.....	70
4.4. Cai nghiện ma túy.....	74
5. Danh mục các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội	83

V. CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỆ NẠN CỜ BẠC.....88

1. Văn bản pháp luật.....	89
2. Khái quát chung	89
3. Nguyên nhân dẫn đến cờ bạc.....	90
4. Hậu quả của hoạt động cờ bạc.....	91
5. Một số quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.....	92
5.1. Tội đánh bạc (theo Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015)	92
5.2. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (theo Điều 322 Bộ Luật Hình sự 2015)	93
5.3. Phạt tiền về hành vi đánh bạc trái phép (theo Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP.)	93

VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG..... 96

1. Văn bản pháp luật.....	97
2. Biểu hiện của hành vi gây rối trật tự công cộng.....	97
3. Xử lý hành chính về vi phạm về trật tự công cộng và trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng	98
3.1 Xử lý vi phạm hành chính về vi phạm về trật tự công cộng	98
3.2. Trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng	104



I. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN

1. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Luật Giáo dục Đại học năm 2012;
- Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

2. CÁC HÀNH VI SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

- Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác.
- Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.
- Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong cơ sở giáo dục đại học hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

3. MỨC XỬ LÝ KỶ LUẬT

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
1.	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép					Nhà trường quy định cụ thể
2.	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học					Nhà trường quy định cụ thể

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
3.	Vô lễ với thầy, cô giáo và CBVC nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4.	Học thay hoặc nhờ người khác học thay					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
5.	Thi, kiểm tra thay, hoặc nhờ thi, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
6.	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
7.	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra					Xử lý theo quy chế đào tạo
8.	Cố tình chậm nộp hoặc không nộp học phí, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà trường mà không có lý do chính đáng.					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở, khiển trách đến buộc thôi học
9.	Làm hư hỏng tài sản trong KTX và các tài sản khác của trường					Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại
10.	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
11.	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút thuốc theo quy định					Từ lần 3 trở lên, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo
12.	Đánh bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định pháp luật
13.	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
14.	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
15.	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy.
16.	Chứa chấp, môi giới mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
17.	Hoạt động mại dâm	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
18.	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19.	Chứa chấp, buôn bán vũ khí, chất nổ và hàng cấm theo				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
	quy định của Nhà nước.					định của pháp luật
20.	Đưa phần tử xấu vào trong trường, KTX gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường.					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học
21.	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
22.	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
23.	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiêu khích trái quy định của pháp luật	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
						quy định của pháp luật
24.	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
25.	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
26.	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
27.	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, nhà trường xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ Điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học.

II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH KHI THAM GIA LƯU THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

2. HÀNH VI VI PHẠM GIAO THÔNG CỦA NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN XE GẮN MÁY

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
A. Mức phạt tiền: Từ 300.000 đến 400.000 đồng		
1. Chạy quá tốc độ từ 05 đến dưới 10 km/h		
2. Dừng, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông, dừng đỗ xe ở lòng đường, hè phố trái quy định		
B. Mức phạt tiền: Từ 400.000 đến 600.000 đồng		
3. Không đội mũ bảo hiểm hoặc chở người ngồi sau không đội mũ bảo hiểm, cài mũ bảo hiểm không đúng quy định		
4. Chuyển hướng mà không có tín hiệu đèn báo hướng rẽ		
5. Rẽ trái hoặc rẽ phải ở nơi có biển báo cấm rẽ trái hoặc rẽ phải tương ứng		
6. Dừng, đỗ xe trên cầu		

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
7. Chở từ 3 người trở lên	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
8. Bấm còi, rú ga (net pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
9. Lấn làn, đi lên vỉa hè		
10. Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển		
C. Mức phạt tiền: Từ 800.000 đến 1.000.000 đồng		
11. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;		
12. Dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định;		
12. Dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định;		
13. Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
14. Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
15. Người đang điều khiển xe sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính.	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
D. Mức phạt tiền: Từ 1.000.000 đến 2.000.000 đồng		
16. Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều"		
17. Không nhường đường cho xe ưu tiên đang làm nhiệm vụ		
E. Mức phạt tiền: Từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng		
18. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thải	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng	
19. Sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
20. Điều khiển xe vào đường cao tốc	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
F. Mức phạt tiền: Từ 4.000.000 đến 5.000.000 đồng		
22. Điều khiển xe chạy quá tốc độ gây tai nạn giao thông vào đường cao tốc, dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều" gây tai nạn giao thông	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
23. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
24. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
G. Mức phạt tiền: Từ 6.000.000 đến 8.000.000 đồng		
25. Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện
26. Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện
27. Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện
28. Điều khiển xe thành nhóm từ 02 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện
29. Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
30. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	
31. Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	
32. Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	
33. Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ.	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	
H. Mức phạt tiền: Từ 8.000.000 đến 10.000.000 đồng		
Hành vi vi phạm quy định tại mục (25); (26); (27); (28) mà gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng	

3. HÀNH VI VI PHẠM GIAO THÔNG CỦA NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN XE Ô TÔ

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
A. Mức phạt tiền: Từ 300.000 đến 400.000 đồng		
1. Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
	tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
2. Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ;		
3. Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ;		
4. Khi dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
5. Bấm còi trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
B. Mức phạt tiền: Từ 400.000 đến 600.000 đồng		
6. Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước		
7. Chở người trên buồng lái quá số lượng quy định		

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
8. Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03	
9. Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp hoặc không có lề đường; dừng xe, đỗ xe ngược với chiều lưu thông của làn đường; dừng xe, đỗ xe trên dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; đỗ xe trên dốc không chèn bánh; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn;	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
10. Dừng xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; dừng xe trên đường xe điện, đường dành riêng cho xe buýt; dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe; dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"		
11. Quay đầu xe trái quy định trong khu dân cư;		

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
12. Quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm, gầm cầu vượt, trừ trường hợp tổ chức giao thông tại những khu vực này có bố trí nơi quay đầu xe		
C. Mức phạt tiền: Từ 800.000 đến 1.000.000 đồng		
13. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 5 km/h đến dưới 10 km/h;		
14. Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
15. Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức)		
16. Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt		
17. Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 m tính từ mép đường giao nhau; điểm dừng đón, trả khách của xe buýt; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 m hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ô tô ra vào; nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe; che khuất biển báo hiệu đường bộ; nơi mở dải phân cách giữa		

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
18. Đỗ xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; đỗ xe trên đường xe điện, đường dành riêng cho xe buýt; đỗ xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; đỗ, để xe ở hè phố trái quy định của pháp luật; đỗ xe nơi có biển "Cấm đỗ xe" hoặc biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"		
19. Không sử dụng hoặc sử dụng không đủ đèn chiếu sáng trong thời gian từ 19 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn; sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
20. Quay đầu xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; quay đầu xe tại nơi đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm quay đầu đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03	
21. Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu "Cự ly tối thiểu giữa hai xe"		

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
22. Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
23. Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
24. Lùi xe ở đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước,		
25. Không thắt dây an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường;		
26. Chở người trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy;		
27. Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép.	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
D. Mức phạt tiền: Từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng		

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
28. Dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe chạy trên đường	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng; Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
29. Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển,	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	
30. Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (xe không gắn thẻ đầu cuối hoặc gắn thẻ đầu cuối mà số tiền trong tài khoản thu phí không đủ để chi trả khi qua làn thu phí điện tử tự động không dừng) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
31. Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	
32. Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: Bên trái đường một chiều hoặc bên trái (theo hướng lưu thông) của đường đôi; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
khuất; trên cầu, gầm cầu vượt, song song với một xe khác đang dừng, đỗ		
33. Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng; bị tịch thu thiết bị phát tín hiệu ưu tiên lắp đặt sử dụng trái quy định; Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
33. Lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định.	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	
E. Mức phạt tiền: Từ 4.000.000 đến 6.000.000 đồng		
34. Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
35. Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
36. Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều", trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
37. Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt (đối với loại phương tiện đang điều khiển); không có báo hiệu trước khi vượt; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép, trừ trường hợp tại đoạn đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường mà xe chạy trên làn đường bên phải chạy nhanh hơn xe đang chạy trên làn đường bên trái;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	
38. Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều) trừ hành vi quy định tại điểm c khoản 4 Điều này; điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; điều khiển xe đi trên hè phố, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua hè phố để vào nhà;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
39. Tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định, trừ hành vi vi phạm sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều quy định; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật	Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
40. Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc; không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng Nếu gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
41. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	
G. Mức phạt tiền: Từ 6.000.000 đến 8.000.000 đồng		
42. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
43. Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
44. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở	tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng	
H. Mức phạt tiền: Từ 10.000.000 đến 12.000.000 đồng		
45. Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều" gây tai nạn giao thông	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
46. Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu để người lái xe khác biết khi buộc phải dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; quay đầu xe trên đường cao tốc	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
47. Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	
48. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
I. Mức phạt tiền: Từ 16.000.000 đến 18.000.000 đồng		
49. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng	
50. Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn	tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 05 tháng đến 07 tháng	
51. Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, lùi xe trên đường cao tốc, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định	tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 05 tháng đến 07 tháng	
K. Mức phạt tiền: Từ 18.000.000 đến 20.000.000 đồng		
52. Hành vi điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường mà gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng	
L. Mức phạt tiền: Từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng		
53. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	
54. Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	

Tên hành vi vi phạm hành chính	Các biện pháp xử phạt bổ sung kèm theo	Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần
55. Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy;	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	
56. Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy của người thi hành công vụ.	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	



III. CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN NINH MẠNG

1. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Luật An ninh mạng năm 2018;
- Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

2. MỘT SỐ HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM VỀ AN NINH MẠNG

2.1. NHÓM THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN CHỐNG NHÀ NƯỚC & KÍCH ĐỘNG GÂY BẠO LOẠN, PHÁ RỐI AN NINH, GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG:

- Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;
- Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

2.2. NHÓM THÔNG TIN CÓ NỘI DUNG LÀM NHỤC, VỤ KHỔNG:

- Xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;
- Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

2.3. NHÓM HÀNH VI XÂM PHẠM BẢO MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN BỊ CẤM:

- Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

- Cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng;
- Cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư;
- Đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật;
- Cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại.

2.4. NHÓM THÔNG TIN CÓ NỘI DUNG XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ:

- Thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá khác;
- Thông tin bịa đặt, sai sự thật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp, chứng khoán.

2.5. NHÓM THÔNG TIN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CÓ NỘI DUNG BỊA ĐẶT, SAI SỰ THẬT GÂY HOANG MANG TRONG NHÂN DÂN, GÂY THIẾT HẠI CHO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI, GÂY KHÓ KHĂN CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC HOẶC NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ, XÂM PHẠM QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC.

3. CÁC BIỆN PHÁP XỬ PHẠT

Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000	
Hành vi vi phạm	Biện pháp bổ sung
Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân trên mạng xã hội	Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật
Cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, dâm ô, đồi trụy, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc trên mạng xã hội	
Cung cấp, chia sẻ thông tin miêu tả tỉ mỉ hành động chém, giết, tai nạn, kinh dị, rùng rợn trên mạng xã hội	
Cung cấp chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc trên mạng xã hội	
Cung cấp, chia sẻ các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc chưa được phép lưu hành hoặc đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu trên mạng xã hội	
Quảng cáo, tuyên truyền, chia sẻ thông tin về hàng hóa, dịch vụ bị cấm trên mạng xã hội	
Cung cấp, chia sẻ hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia trên mạng xã hội	
Cung cấp, chia sẻ đường dẫn đến thông tin trên mạng có nội dung bị cấm trên mạng xã hội	

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Hành vi vi phạm	Biện pháp bổ sung
Tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự	Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật

IV. CÁC QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG MA TÚY

1. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017 (gọi chung là Bộ Luật Hình sự năm 2015);
- Luật Phòng chống ma túy năm 2021.

2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MA TÚY

2.1. KHÁI NIỆM

Theo Liên Hiệp quốc: "Ma túy là chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức trí tuệ của con người, làm cho người bị lệ thuộc vào các chất đó, gây nên những tổn thương cho từng cá nhân và cộng đồng. Do vậy, việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng các chất đó phải được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp luật và chịu sự kiểm soát của cơ quan bảo vệ pháp luật".

Theo quy định của Luật Phòng chống ma túy năm 2021 thì "Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành."¹

Như vậy, chất ma túy được xác định và có tên gọi riêng trong khoa học. Danh mục các chất ma túy, tiền chất và các chất hóa học dùng để điều chế các chất ma túy (bao gồm danh mục quy định trong Công ước 1961, 1971, 1988 của Liên Hiệp quốc về kiểm soát ma túy) gồm 225 chất ma túy và 22 tiền chất. Để xác định có phải là chất ma túy hay không, hay là chất ma túy thì phải trưng cầu giám định.

Từ quy định của Liên Hiệp quốc và pháp luật Việt Nam, chúng ta có thể hiểu: Ma túy là các chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi được

¹ Quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống ma túy năm 2021

đưa vào cơ thể con người nó có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và sinh lý của người đó, nếu lạm dụng ma túy, con người sẽ lệ thuộc vào nó, khi đó gây tổn thương và nguy hại cho người sử dụng và cộng đồng.

2.2. PHÂN LOẠI

Các chất ma túy được phân chia thành nhiều loại dựa theo những căn cứ khác nhau như: nguồn gốc, mục đích sử dụng, mức độ tác động lên hệ thần kinh... Tuy nhiên, việc phân loại này cũng chỉ mang tính chất tương đối trong bối cảnh việc sử dụng các chất ma túy luôn luôn biến đổi không ngừng. Có thể liệt kê ra đây những cách phân loại chính như sau:

a. Phân loại theo nguồn gốc

Căn cứ theo tiêu chí này, ma túy được phân chia thành 3 loại: Ma túy có nguồn gốc tự nhiên, ma túy bán tổng hợp và ma túy tổng hợp.

- Ma túy tự nhiên: là sản phẩm của các cây trồng tự nhiên và các chế phẩm của chúng như thuốc phiện, cần sa, cocain.
- Ma túy bán tổng hợp: là các chất ma túy được chế từ ma túy tự nhiên và một số chất phụ gia khác, có tác dụng mạnh hơn chất ma túy ban đầu. Ví dụ: Heroin là một loại ma túy bán tổng hợp được chiết xuất từ cây thuốc phiện, bằng cách chế thuốc phiện với các hóa chất để tạo ra morphine và sau đó kết tủa thành heroin dạng thô.
- Ma túy tổng hợp: là các loại ma túy được điều chế bằng phương pháp tổng hợp hóa học toàn phần từ hóa chất như: thuốc lắc, ma túy đá...

b. Phân loại căn cứ theo mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng

Dựa trên tiêu chí này, ma túy được chia thành 2 loại: Ma túy có hiệu lực cao và ma túy có hiệu lực thấp (ma túy mạnh và ma túy nhẹ).

- Ma túy có hiệu lực cao: là các chất ma túy chỉ cần sử dụng với một lượng nhỏ đã có thể thay đổi trạng thái tâm sinh lý của người sử dụng (mức độ

kích thích mạnh), và sử dụng vài lần có thể gây nghiện. Ví dụ: thuốc phiện, heroine, cocaine, thuốc lắc.

- Ma túy có hiệu lực thấp: là các chất ma túy phải sử dụng nhiều lần với một lượng lớn thì mới làm thay đổi được trạng thái tâm sinh lý của người dùng và gây nghiện; ví dụ: thuốc lá, thuốc lào.

c. Phân loại theo tác dụng của chất ma túy đến hệ thần kinh trung ương

Dựa trên tác dụng chủ yếu của chất ma túy đến hệ thần kinh trung ương của con người, ta có thể chia thành 3 loại:

- Nhóm thuốc an thần, ức chế hệ thần kinh trung ương: Thuốc phiện, những chất chế ra từ thuốc phiện (heroine, morphine, cocaine, methadone và pethidine) và thuốc ngủ (lumiau, valium, seconau phenobacbitol, serepax, mogadon, seduexen.). Tác động chủ yếu khi sử dụng là buồn ngủ, an thần, yên dịu, giảm nhịp tim, giảm hô hấp.

- Nhóm các chất gây kích thích: Bao gồm amphetamine và các dẫn xuất của nó; có tác dụng làm tăng sinh lực, gây hưng phấn, tăng hoạt động của cơ thể, tăng nhịp tim, hô hấp.

- Nhóm các chất gây ảo giác: điển hình gồm LSD (Lysergic Acid Diethylamide) hay còn gọi là ma túy gây ảo giác, ecstasy (thuốc lắc). Việc sử dụng các chất này với lượng lớn có thể làm thay đổi nhận thức về hiện tại, về môi trường xung quanh; khiến cho người dùng có thể nghe thấy, nhìn thấy những sự việc không có thật (ảo thanh, ảo giác).

3. TỘI PHẠM VỀ MA TÚY THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017 (gọi chung là Bộ Luật Hình sự năm 2015 (BLHS)) gồm 3 phần, 26 chương với 426 Điều, trong đó có 13 Điều (từ Điều 247 đến Điều 259) quy định về các tội phạm liên quan đến ma túy, bao gồm:

3.1. TỘI TRỒNG CÂY THUỐC PHIỆN, CÂY CÔCA, CÂY CẦN SA HOẶC CÁC LOẠI CÂY KHÁC CÓ CHỨA CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 247).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội: đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống; Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; Với số lượng từ 500 cây dưới 3.000 cây.

KHUNG 2 quy định hình phạt từ 03 năm đến 07 năm áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội: có tổ chức; Với số lượng 3.000 cây trở lên; Tái phạm nguy hiểm.

Có tổ chức là có từ 02 người trở lên cùng cố ý và cùng hành động trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy. Những người này có sự phân công chặt chẽ như người chuẩn bị hạt giống, người làm đất, người gieo trồng, chăm sóc... Tái phạm tội này là người phạm tội đã bị phạt tù về tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy, nhưng chưa được xóa án mà lại phạm tội này. Ngoài ra, người phạm tội có thể còn bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

KHUNG 3 quy định người phạm tội có thể bị phạt bổ sung theo hình thức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

KHUNG 4 quy định người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Hình thức phá bỏ như: nhổ cả gốc, chặt, đập nát cây không có khả năng sống. Nộp sản phẩm cho các cơ quan chức năng như: chính quyền, công an thôn, xã.

***Một số vấn đề cần lưu ý**

- Người nào biết người khác gieo trồng, chăm bón hoặc thu hoạch cây có chứa chất ma túy, đã được áp dụng đầy đủ cả ba biện pháp: "giáo dục nhiều lần", "tạo điều kiện ổn định cuộc sống" và "đã bị xử phạt hành chính về hành vi này" mà vẫn giúp họ thực hiện một trong các hành vi đó, hoặc làm thuê cho họ trong việc trồng các cây có chứa chất ma túy thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 247).
- Trường hợp người trồng cây có chứa chất ma túy, đã được áp dụng đầy đủ các biện pháp: "giáo dục nhiều lần và tạo điều kiện ổn định cuộc sống" và "đã bị xử phạt hành chính" nhưng không chịu phá bỏ mà bán lại cho người khác thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 247). Người mua lại cây có chứa chất ma túy để tiếp tục chăm sóc thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này nếu thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm.
- Hành vi trồng cây có chứa chất ma túy, loại cây nào thì phạm tội với cây trồng tương ứng, ví dụ: Tội trồng cây cần sa; Tội trồng cây côca...
- Người nào mua bán trái phép cây có chứa chất ma túy khu cây haowcj các bộ phận của cây có chứa chất ma túy là đối tượng được quy định tại Điều 247 thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 251.

3.2. TỘI SẢN XUẤT TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 248).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội cấu thành cơ bản;

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau:

- + Có tổ chức: là từ 02 người trở lên có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người, liên kết chặt chẽ với nhau cùng thực hiện tội phạm.
- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao nhiệm vụ liên quan đến sản xuất ma túy đã tiến hành sản xuất chất ma túy không được cấp giấy phép hoặc làm ngoài quy định của giấy phép. Ví dụ, A là một kỹ sư hóa của phòng thí nghiệm chuyên xét nghiệm chất ma túy, A đã dùng các tiền chất để sản xuất trái phép chất ma túy đưa ra thị trường để bán.
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức nhất định có chức năng nghiên cứu, sản xuất ma túy phục vụ y học hoặc nghiên cứu khoa học để sản xuất ma túy ngoài giấy phép quy định. Ví dụ: Một công ty dược phẩm của Bộ Y tế có chức năng sản xuất thuốc tân dược như các thuốc chữa ho, chữa hen, giảm đau... Đây là những loại thuốc có chứa chất ma túy, có tính gây nghiện. Công ty này đã sản xuất ngoài kế hoạch để bán cho con nghiện...
- + Các điểm đ, e, g, h quy định về khối lượng, thể tích các chất ma túy tương ứng như trong điều luật. Các chất ma túy khác ở thể rắn, ở thể lỏng là các chất ma túy không phải là nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao cocain hoặc Heroine, Cocain.
- + Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.

+ Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản 2.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp phạm tội sau đây:

+ Có tính chất chuyên nghiệp: Là trường hợp phạm tội thỏa mãn hai điều kiện sau đây: 1) Người phạm tội đã thực hiện hành vi sản xuất trái phép chất ma túy từ 05 lần trở lên, không phân biệt đã bị xét xử hay chưa bị xét xử, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích; 2) Người phạm tội lấy hành vi sản xuất trái phép chất ma túy làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy làm nguồn sống chính.

+ Các điểm b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 248 đã quy định rõ về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

KHUNG 4 quy định hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng trong các trường hợp phạm tội với khối lượng, thể tích chất ma túy quy định tại các điểm a, b, c, d, đ.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

Nếu người nào sản xuất trái phép chất ma túy, sau đó vận chuyển đến một nơi khác để cất giữ, các hành vi này có liên quan chặt chẽ với nhau thì theo điều kiện cụ thể, có thể chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội sản xuất trái phép chất ma túy.

3.3. TỘI TÀNG TRỮ TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 249).

Điều 249 quy định 4 khung hình phạt như sau:

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội:

- + Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.
- + Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm là theo quy định tại Chương X Bộ luật Hình sự về xóa án tích.
- + Các điểm quy định khối lượng, thể tích chất ma túy: a, b, c, d, đ, e, g, h, i.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức: Là từ 02 người trở lên có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người, liên kết chặt chẽ với nhau thực hiện tội phạm.
- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc quản lý, tàng trữ, vận chuyển, mua bán chất ma túy đã tiến hành tàng trữ, vận chuyển, mua bán chất ma túy trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: Là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức có chức năng nghiên cứu, quản lý các chất ma túy phục vụ y học hoặc nghiên cứu khoa học để tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

+ Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội. Người dưới 14 tuổi mà tham gia tàng trữ trái phép chất ma túy thì không phạm tội. Người dưới 16 tuổi chỉ phạm tội khi từ đủ 14 tuổi trở lên.

Các điểm: e, g, h, i, k, l, m, n, quy định khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

KHUNG 4 quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, tù chung thân áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

Người nghiện ma túy đã mua chất ma túy cất ở nhà mình để dùng dần mà bị phát hiện thì xem xét về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nếu tội phạm làm giả chất ma túy để mua bán, trao đổi thì xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 139 Bộ Luật Hình sự. Nếu giám định mà có hàm lượng chất ma túy thì dù tỷ lệ ma túy thấp vẫn xử lý đối tượng theo điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy.

3.4. TỘI VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 250).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội;

Đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính chưa được xóa án tích mà còn vi phạm là theo quy định tại Chương X Bộ luật Hình sự về xóa án tích.

Các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i quy định khối lượng, thể tích chất ma túy.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức: Là từ 02 người trở lên có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người, liên kết chặt chẽ với nhau thực hiện tội phạm.
- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc quản lý, vận chuyển chất ma túy đã tiến hành vận chuyển trái phép chất ma túy, không theo quy định.
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: Là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức có chức năng nghiên cứu, quản lý các chất ma túy phục vụ y học hoặc nghiên cứu khoa học để vận chuyển trái phép chất ma túy, không theo quy định.
- + Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội. Người dưới 14 tuổi mà tham gia tàng trữ trái phép chất ma túy thì không phạm tội. Người dưới 16 tuổi chỉ phạm tội khi từ đủ 14 tuổi trở lên.

Các điểm: e, g, h, i, k, l, m, n, quy định khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

KHUNG 4 quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, tù chung thân áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

- Người giữ hộ, hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy cho người khác, mà biết rõ mục đích mua bán trái phép chất ma túy của người đó, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.
- Người biết người khác mua chất ma túy cất về nhà để sử dụng trái phép mà dùng phương tiện để chở họ cùng chất ma túy và bị bắt giữ nếu số lượng chất ma túy đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự thì người đó là đồng phạm về tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250).

3.5. TỘI MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 251).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội:

Đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính chưa được xóa án tích mà còn vi phạm là theo quy định tại Chương X Bộ luật Hình sự về xóa án tích.

Các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i quy định khối lượng, thể tích chất ma túy.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức: Là từ 02 người trở lên có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người, liên kết chặt chẽ với nhau thực hiện tội phạm.

- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.

- + Đối với 02 người trở lên;

- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc mua bán chất ma túy đã tiến hành mua bán trái phép chất ma túy cho người khác, không theo quy định chung.

- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: Là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức có chức năng nghiên cứu, quản lý các chất ma túy phục vụ y học hoặc nghiên cứu khoa học để mua bán trái phép chất ma túy với người khác.

- + Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội. Người dưới 14 tuổi mà tham gia tàng trữ trái phép chất ma túy thì không phạm tội. Người dưới 16 tuổi chỉ phạm tội khi từ đủ 14 tuổi trở lên.

+ Qua biên giới;

Các điểm: h, i, k, l, m, n, o, p quy định khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

KHUNG 4 quy định hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

Người biết người khác đi mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà gửi tiền nhờ mua hộ chất ma túy để sử dụng thì người nhờ mua hộ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng chất ma túy đã nhờ mua hộ. Người đi mua hộ phải chịu trách nhiệm về tổng số lượng chất ma túy đã mua cho bản thân và mua hộ.

3.6. TỘI CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 252).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội:

Đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 249, 250 và 251 của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính chưa được xóa án tích mà còn vi phạm là theo quy định tại Chương X Bộ luật Hình sự về xóa án tích.

Các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i quy định khối lượng, thể tích chất ma túy.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức: Là từ 02 người trở lên có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người, liên kết chặt chẽ với nhau thực hiện tội phạm.
- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc quản lý chất ma túy đã tiến hành chiếm đoạt chất ma túy.
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: Là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức có chức năng nghiên cứu, quản lý các chất ma túy phục vụ y học hoặc nghiên cứu khoa học để chiếm đoạt chất ma túy.
- + Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội. Người dưới 14 tuổi mà tham gia tàng trữ trái phép chất ma túy thì không phạm tội. Người dưới 16 tuổi chỉ phạm tội khi từ đủ 14 tuổi trở lên.
- + Qua biên giới;

Các điểm: e, g, h, i, k, l, m, n quy định khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được

xóa án tích mà lại phạm tội chiếm đoạt chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

KHUNG 4 quy định hình phạt tù 15 năm đến 20 năm, tù chung thân áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h về khối lượng, thể tích các chất ma túy.

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

Người quản lý kho vật chứng trong đó có bánh Heroin đã bí mật mua các bánh làm bột mì để đổi số bánh Heroin trong kho. Người này mang Heroin ra khỏi kho thì bị phát hiện. Người quản lý này phạm tội chiếm đoạt chất ma túy. Nếu người này đã đem đi bán mới bị bắt thì phạm 2 tội: tội chiếm đoạt chất ma túy và tội mua bán trái phép chất ma túy.

3.7. TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN HOẶC CHIẾM ĐOẠT TIỀN CHẤT DÙNG VÀO VIỆC SẢN XUẤT TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 253).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 06 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội:

Đã xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các

điều 248, 249, 250 và 251 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính chưa được xóa án tích mà còn vi phạm là theo quy định tại Chương X Bộ luật Hình sự về xóa án tích.

Định lượng tiền chất quy định tại điểm b.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 06 năm đến 13 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức: Là từ 02 người trở lên có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người, liên kết chặt chẽ với nhau thực hiện tội phạm.
- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc quản lý tiền chất đã tiến hành tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt các chất này để sản xuất trái phép chất ma túy.
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: Là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức có chức năng nghiên cứu, quản lý các tiền chất phục vụ trong y tế, sản xuất công nghiệp hoặc nghiên cứu khoa học để tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt các chất này để sản xuất trái phép chất ma túy.

Điểm đ, e quy định về khối lượng, thể tích tiền chất.

- + Vận chuyển, mua bán qua biên giới là đưa các tiền chất từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài;
- + Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt các chất này để dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma

túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 13 năm đến 20 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội mà tiền chất có khối lượng và thể tích theo quy định.

KHUNG 4 quy định hình phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với trường hợp phạm tội mà tiền chất có khối lượng và thể tích theo quy định.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

- Tiền chất là những chất có trong tự nhiên hoặc tổng hợp, nó được dùng rộng rãi trong y học, nghiên cứu khoa học, trong công nghiệp... Vì vậy, những hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt các chất này chỉ phạm tội khi nhằm mục đích để sản xuất trái phép chất ma túy. Nếu không chứng minh được mục đích nhằm sản xuất trái phép chất ma túy thì không phạm tội hoặc phạm tội khác theo quy định của BLHS.

- Các tiền chất do phạm tội mà có là để dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nếu người phạm tội tiến hành sản xuất trái phép chất ma túy từ các tiền chất này thì người phạm tội còn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248).

- Chỉ xử lý hình sự đối với người có hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy khi tiền chất có trọng lượng từ 50 gam (đối với chất rắn) hoặc 75 mililít (đối với chất lỏng) trở lên. Trường hợp tiền chất có trọng lượng dưới 50 gam hoặc dưới 75 mililít thì người vi phạm bị xử lý hành chính.

3.8. TỘI SẢN XUẤT, TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN HOẶC MUA BÁN PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ DÙNG VÀO VIỆC SẢN XUẤT HOẶC SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 254).

Điều luật quy định 2 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức: Là từ 02 người trở lên cùng cố ý thực hiện tội phạm, có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người.
- + Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: Là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc quản lý, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các dụng cụ, phương tiện đã lợi dụng nó để sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.
- + Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: Là lợi dụng cơ quan nhà nước, tổ chức có chức năng nghiên cứu, quản lý sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các dụng cụ, phương tiện phục vụ trong y học, sản xuất công nghiệp hoặc nghiên cứu khoa học đã lợi dụng nó để sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.
- + Vận chuyển với số lượng 20 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại trở lên;
- + Vận chuyển, mua bán qua biên giới là đưa các dụng cụ, phương tiện này từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài;

+ Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

- Chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán các phương tiện, dụng cụ là nhằm để dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Nếu người nào lần đầu sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các dụng cụ, phương tiện để bản thân mình sử dụng trái phép chất ma túy, thì chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng phải xử lý hành chính. Nếu đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 254 BLHS.

- Đối với trường hợp sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán từ 05 bộ dụng cụ, phương tiện (có thể cùng loại, có thể khác loại) trở xuống thì không truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp này người vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính.

3.9. TỘI TỔ CHỨC SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 255).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Phạm tội 02 lần trở lên nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội.

+ Đối với 02 người trở lên;

+ Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi: cần căn cứ vào giấy khai sinh để xác định tuổi của người chưa thành niên;

+ Đối với phụ nữ mà biết là có thai: người có thai căn cứ vào kết luận của bác sĩ. Ý thức của người phạm tội phải biết nạn nhân có thai;

+ Đối với người đang cai nghiện: là trường hợp phạm tội đối với người mà người đó đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận họ nghiện ma túy và đang được cai nghiện tại trung tâm cai nghiện, tại gia đình hoặc cộng đồng dân cư;

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%. Căn cứ để đánh giá mức độ tổn hại sức khỏe là Thông tư số 20/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần;

+ Gây bệnh nguy hiểm cho người khác: là trường hợp người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (có thể biết hoặc không biết) đã gây ra một số bệnh nguy hiểm cho người sử dụng chất ma túy như nhiễm HIV/AIDS, viêm gan vi rút B, lao...;

Trường hợp người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy biết bản thân họ hoặc người khác đã nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người sử dụng chất ma túy thì cùng với việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, họ còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội

lây truyền HIV cho người khác (Điều 148) hoặc tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149).

+ Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội sau đây:

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người (như phân tích ở trên). Phải làm rõ nguyên nhân của chết người từ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

+ Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;

+ Đối với người dưới 13 tuổi: cần căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu để xác định tuổi của nạn nhân;

KHUNG 4 quy định hình phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau đây:

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên (như phân tích trên);

+ Làm chết 02 người trở lên.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

- Người phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có thể là người nghiện hoặc không phải là người nghiện ma túy. Vì vậy phải xác định rõ có đúng bản chất của hành vi tổ chức hay là chỉ những người nghiện ma túy tụ tập với nhau sử dụng trái phép chất ma túy thì không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Nếu sau khi bán ma túy cho người nghiện, người bán còn cho người nghiện sử dụng địa điểm của mình, cung cấp các dụng cụ tiêm chích cho người nghiện thì dù là lần đầu cũng phải truy tố về tội mua bán trái phép và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255).

3.10. TỘI CHỨA CHẤP VIỆC SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 256).

Điều luật quy định 2 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với trường hợp cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn là những người theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan trực tiếp đến việc quản lý, sử dụng nơi ở, địa điểm hoặc những điều kiện khác lợi dụng để chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Phạm tội 02 lần trở lên, nhưng chưa bị truy tố, xét xử trong các lần phạm tội;

+ Đối với người dưới 16 tuổi. Để xác định tuổi, căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của nạn nhân;

+ Đối với 02 người trở lên;

+ Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

- Nếu người có địa điểm không biết người đến thuê, mượn địa điểm dùng để sử dụng trái phép chất ma túy thì cho thuê, cho mượn địa điểm không phạm tội.

- Nếu hành vi của người nào đó ngoài việc cho thuê, cho mượn địa điểm còn dẫn dắt con nghiện, cung cấp phương tiện sử dụng chất ma túy... thì không phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy mà phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Người nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

3.11. TỘI CƯỠNG BỨC NGƯỜI KHÁC SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 257).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với cấu thành cơ bản.

KHUNG 2 hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức là 02 người trở lên cùng cố ý thực hiện tội phạm, có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người thực hiện tội phạm;
- + Phạm tội 02 lần trở lên;
- + Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi: thể hiện như để đạt mục đích trả thù hoặc vì các động cơ tư lợi, thấp hèn khác. Thực tế xảy ra là bọn bán lẻ ma túy muốn tiêu thụ được nhiều ma túy nên đã khuyến khích các con nghiện lôi kéo được nhiều người khác sử dụng ma túy, nhất là những gia đình có điều kiện kinh tế. Các con nghiện vì không có tiền nên ra sức lôi kéo người khác sử dụng ma túy để được "thưởng ma túy".
- + Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi: Để xác định tuổi, căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của nạn nhân;
- + Đối với phụ nữ mà biết là có thai: căn cứ vào kết luận của bác sĩ chuyên khoa, tổ chức y tế có thẩm quyền;
- + Đối với 02 người trở lên;
- + Đối với người đang cai nghiện: người đang cai nghiện có thể tại trung tâm, tại cộng đồng dân cư hoặc tại gia đình;
- + Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%. Căn cứ để đánh giá mức độ tổn hại sức khỏe là Thông tư số 20/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần;
- + Gây bệnh nguy hiểm cho người khác: là trường hợp người phạm tội (có thể biết hoặc không biết) đã gây ra một số bệnh nguy hiểm cho người bị cưỡng bức như nhiễm HIV/AIDS, viêm gan vi rút B, lao....

Trường hợp người cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy biết bản thân họ hoặc người khác đã bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người sử dụng ma túy thì cùng với việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy,

họ còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148) hoặc tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149).

+ Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định thì hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người (như phân tích trên);
- + Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;
- + Đối với người dưới 13 tuổi: Để xác định tuổi, căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của nạn nhân;

KHUNG 4 quy định thì hình phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng trong trường hợp làm chết 02 người trở lên.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

Sự khác nhau cơ bản giữa hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi tổ chức sử dụng thì người sử dụng chất ma túy có tính tự nguyện, thậm chí tìm đến các chủ chứa sử dụng ma túy, còn hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì người sử dụng chất ma túy mang tính bị động, bị người khác tác động cưỡng bức.

3.12. TỘI LÔI KÉO NGƯỜI KHÁC SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY (ĐIỀU 258).

Điều luật quy định 4 khung hình phạt.

KHUNG 1 quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Có tổ chức là từ 02 người trở lên cùng cố ý thực hiện tội phạm, có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người thực hiện tội phạm.
- + Phạm tội 02 lần trở lên;
- + Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi: thể hiện như để đạt mục đích trả thù hoặc vì các động cơ tư lợi, thấp hèn khác. Thực hiện xảy ra là do mâu thuẫn với một người nào đó nên người phạm tội đã tìm cách lôi kéo con họ vào con đường nghiện ma túy hoặc bọn bán lẻ ma túy muốn tiêu thụ được nhiều ma túy nên đã khuyến khích các con nghiện lôi kéo được nhiều người khác sử dụng ma túy, nhất là những gia đình có điều kiện kinh tế. Các con nghiện vì không có tiền nên ra sức lôi kéo người khác sử dụng ma túy để được "thưởng ma túy". Trong trường hợp này người bán lẻ ma túy không chỉ phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) mà còn phạm tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258). Con nghiện có hành vi trên thì đồng phạm về tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.
- + Đối với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi: Để xác định tuổi, căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của nạn nhân;
- + Đối với phụ nữ mà biết là có thai: căn cứ vào kết luận của bác sĩ chuyên khoa, tổ chức y tế có thẩm quyền;
- + Đối với 02 người trở lên;
- + Đối với người đang cai nghiện: người đang cai nghiện có thể tại trung tâm, tại cộng đồng dân cư hoặc tại gia đình;

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%. Căn cứ để đánh giá mức độ tổn hại sức khỏe là Thông tư số 20/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần;

+ Gây bệnh nguy hiểm cho người khác: là trường hợp người phạm tội (có thể biết hoặc không biết) đã gây ra một số bệnh nguy hiểm cho người bị cưỡng bức như nhiễm HIV/AIDS, viêm gan vi rút B, lao....

Trường hợp lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy biết bản thân họ hoặc người khác đã bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người sử dụng ma túy thì cùng với việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, họ còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148) hoặc tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149).

+ Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

KHUNG 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây chết người;

+ Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;

+ Đối với người dưới 13 tuổi: Để xác định tuổi, căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của nạn nhân;

KHUNG 4 quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng trong trường hợp gây chết 02 người trở lên.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

Sự khác nhau cơ bản giữa hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì người sử dụng chất ma túy mang tính bị động, bị người khác tác động buộc phải sử dụng ma túy, còn hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy mang tính thuyết phục, họ có quyền suy nghĩ, lựa chọn có nên sử dụng ma túy không.

3.13. TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHẤT MA TÚY, TIỀN CHẤT, THUỐC GÂY NGHIỆN, THUỐC HƯƠNG THẦN (ĐIỀU 259).

Điều luật quy định 2 khung hình phạt

KHUNG 1 quy định hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội sau:

- a) Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hương thần;
- b) Vi phạm quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hương thần;
- c) Vi phạm quy định về giao nhận, vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hương thần;
- d) Vi phạm quy định về phân phối, mua bán, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hương thần;

d) Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tại khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới, trên biển;

e) Vi phạm quy định về cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần.

Các hoạt động liên quan đến chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần nêu trên như: xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh; nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản; giao nhận, vận chuyển; phân phối, mua bán, trao đổi, quản lý, kiểm soát, lưu giữ; cấp phát, cho phép sử dụng. Các hoạt động này được quy định bằng các văn bản pháp luật chặt chẽ. Vi phạm như không được thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không đúng quy trình hoạt động, hoạt động vượt quá khối lượng, thể tích quy định, không đúng đối tượng giao dịch...

KHUNG 2 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Có tổ chức là từ 02 người trở lên cùng cố ý thực hiện tội phạm, có sự phân công trách nhiệm cụ thể từng người thực hiện tội phạm;

- + Phạm tội 02 lần trở lên mà các lần phạm tội này chưa bị truy tố, xét xử;

- + Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy. Hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

- Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

****Một số vấn đề cần lưu ý***

- Người có trách nhiệm trong việc sản xuất các chất độc dược gây nghiện mà vi phạm để sản xuất trái phép chất ma túy thì không phạm tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259) mà phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248).

- Cần phân biệt chất gây nghiện, chất hướng thần với thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần. Chất gây nghiện, chất hướng thần là chất ma túy; còn thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần là để chữa bệnh (chỉ có một hàm lượng nhất định chất ma túy) và được quản lý theo quy chế quản lý dược phẩm của Bộ Y tế. Người nào không thuộc đối tượng là chủ thể của tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259) mà vi phạm trong việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần nhằm mục đích kinh doanh thuốc chữa bệnh hoặc để chữa bệnh thì chỉ trường hợp đồng phạm hoặc họ sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một tội khác không phải là tội phạm về ma túy (như tội kinh doanh trái phép, tội buôn lậu...). Trường hợp tàng trữ, vận chuyển, mua bán chất ma túy, chất gây nghiện, thuốc hướng thần trái phép nhằm thỏa mãn nhu cầu về sử dụng trái phép chất ma túy cho mình hoặc cho người khác thì bị xử lý tội phạm về ma túy tương ứng, nếu thỏa mãn điều kiện về khối lượng chất ma túy theo quy định của pháp luật.

4. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG CHỐNG MA TÚY

4.1. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

Theo Điều 5 của Luật Phòng Chống ma túy năm 2021, các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện gồm có:

- Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.

- Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.
- Chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.
- Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, bảo quản chất ma túy, tiền chất trái quy định của pháp luật; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tới quy định của pháp luật.
- Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.
- Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.
- Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.
- Trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
- Hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

- Kỳ thi người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.
- Các hành vi bị nghiêm cấm khác do luật định liên quan đến ma túy.

4.2. TRÁCH NHIỆM PHÒNG CHỐNG MA TÚY.

a. Về trách nhiệm của cá nhân, gia đình (Điều 6):

Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) quy định cá nhân, gia đình có trách nhiệm: “Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác” là không khả thi, rất khó khăn để thực hiện. Vì vậy, Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đã quy định theo hướng cá nhân, gia đình có trách nhiệm kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức (khoản 4 Điều 6).

b. Về trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy (Điều 11):

Luật quy định cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy bao gồm: cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân; cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quan.

Trong đó, cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Hải quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan, tổ chức khác có liên quan

thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

Đồng thời, Luật cũng quy định trường hợp trên cùng một địa bàn khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan thì cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Luật giao Chính phủ quy định việc phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy. Việc bổ sung nội dung này để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy của các lực lượng chuyên trách.

4.3. QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Đây là quy định mới của Luật so với Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008). Xuất phát từ tình hình phức tạp của người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian vừa qua, nhưng pháp luật chưa có quy định quản lý những người này. Qua khảo sát thực tiễn, Luật đã xây dựng các quy định nhằm quản lý tốt người sử dụng trái phép chất ma túy. Việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy được áp dụng ngay lần đầu người đó sử dụng trái phép chất ma túy, mục đích là ngăn chặn không để họ tiếp tục sử dụng, từ đó góp phần làm giảm người nghiện ma túy, điều này có tác dụng rất tốt ngay chính với người sử dụng trái phép chất ma túy, gia đình họ và xã hội. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý vi phạm hành. Trong thời gian quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy nếu người đó thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nếu được xác định tình

trạng nghiện thì thực hiện theo các quy định về công tác cai nghiện. Các nội dung cụ thể như sau:

a. Xác định người sử dụng trái phép chất ma túy:

Theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật, người bị coi là người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính. Tại Điều 22 của Luật quy định về xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể như sau:

– Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây: người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý; người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy. Việc quy định cụ thể trường hợp bị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể như trên nhằm tạo điều kiện để các cơ quan chức năng có căn cứ khách quan xác định người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và giám sát người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

– Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tiến hành xét nghiệm chất ma túy theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp quy định ở trên. Trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính thì gửi ngay kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có kết quả

xét nghiệm dương tính cư trú, trừ trường hợp người đó đang cai nghiện ma túy bắt buộc.

– Nhà nước bảo đảm kinh phí xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp quy định ở trên.

b. Về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 23):

Luật quy định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính. Luật cũng quy định Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú có trách nhiệm tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý. Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm: tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy; xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xét nghiệm dương tính của người cư trú tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ra quyết định và tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương. Trong thời hạn quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây: (1) Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy; (2) Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (3) Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ

sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; (4) Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù; (5) Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

c. Về trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy; gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng:

Luật đã quy định rõ trách nhiệm người sử dụng trái phép chất ma túy; gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy để huy động sự tham gia của toàn hệ thống chính trị, nhằm đạt hiệu quả thiết thực trong công tác này. Theo đó, tại Điều 24, Luật quy định cụ thể trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy như sau: (1) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình cho Công an cấp xã nơi cư trú; (2) Chấp hành việc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

d. Về phía gia đình:

Khoản 1 Điều 25 của Luật quy định các trách nhiệm sau: (1) Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (2) Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho Công an cấp xã nơi người đó cư trú; (3) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội; (4) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

e. Về phía cơ quan, tổ chức nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống có trách nhiệm sau đây:

(1) Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng, trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (2) Phối hợp với gia đình,

cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể (khoản 2 Điều 25).

f. Về lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 26):

Luật quy định Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương. Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì Công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho Công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và tiếp tục quản lý. Đồng thời, Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây: (1) Người sử dụng trái phép chất ma túy không có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian quản lý quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này; (2) Người sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp dừng quản lý quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật này; (3) Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

4.4. CAI NGHIỆN MA TUÝ

a. Về xác định tình trạng nghiện ma túy (Điều 27):

Luật quy định các trường hợp phải xác định tình trạng nghiện ma túy để phân biệt người nghiện ma túy với người sử dụng trái phép chất ma túy nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác phân loại, quản lý đối tượng và việc áp dụng các biện pháp quản lý, cai nghiện phù hợp. Theo đó, việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau: (1) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (2) Người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định; (3) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn

01 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (4) Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (5) Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy (khoản 1).

b. Về các biện pháp cai nghiện ma túy (Điều 28):

Luật quy định 02 biện pháp cai nghiện ma túy, bao gồm: cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc. Trong đó, biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy. Biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Luật không quy định biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng vì thực tế biện pháp này không đủ nguồn lực về con người, vật chất và không hiệu quả. Những năm gần đây nhiều địa phương không triển khai thực hiện được hoặc thực hiện mang tính hình thức.

c. Về biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (Điều 30):

Luật đã sửa đổi các quy định về cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, theo đó, việc tiến hành cai nghiện tại gia đình, cộng đồng được thực hiện với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

Cơ sở cai nghiện ma túy, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện cung cấp một hoặc nhiều hoạt động cai nghiện theo quy trình cai nghiện quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật này được cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và có trách nhiệm: tiếp nhận và tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng

đồng; thực hiện đúng quy trình chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt dịch vụ hoặc hoàn thành dịch vụ phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Luật giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; hướng dẫn, quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền trên địa bàn cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; tiếp nhận đăng ký và công bố danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

d. Về cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy (Điều 31):

Luật quy định thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 29 của Luật này được hỗ trợ kinh phí. Đồng thời, Luật quy định người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây: thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định. Trường hợp người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma

túy công lập mà có hoàn cảnh khó khăn được xét giảm hoặc miễn chi phí phải nộp.

e. Về đối tượng cai nghiện ma túy (Điều 32, Điều 33):

Luật quy định cụ thể các trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên. Theo đó, Điều 32 của Luật quy định người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện; trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện; trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện thì bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện; (2) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; (3) Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện. Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12

tháng. Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính. Luật giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 33).

f. Về lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (Điều 34):

Luật quy định việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Trường hợp người nghiện ma túy do Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó;
- Hồ sơ đề nghị bao gồm biên bản vi phạm, bản tóm tắt lý lịch, tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó, bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp;
- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Cơ quan, người lập hồ sơ đề nghị quy định ở trên phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan, người lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi ý kiến về việc lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, cơ quan, người đã lập hồ sơ gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan, người đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ, thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm: (1) Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34; (2) Văn bản của Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong nội dung văn bản của Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phải nêu ý kiến về bảo vệ quyền trẻ em.

Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ cai nghiện ma túy áp dụng đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

g. Về cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Điều 36):

Quy định về cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện thể hiện chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư vào công tác cai nghiện, khuyến khích thành lập các cơ sở cai nghiện tư nhân. Luật quy định cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có quyền tiếp nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tự nguyện phù hợp với khả năng tiếp nhận của cơ sở cai nghiện; được thu các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy; được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Luật quy định cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm tuân thủ quy trình cai nghiện ma túy; tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy; bảo đảm quyền của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi trong thời gian cai nghiện ma túy; người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; niêm yết công khai chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật; phòng, chống thấm lậu ma túy vào cơ sở; bố trí các khu hoặc phòng riêng khi tiếp nhận các đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, nữ giới; người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên; trong

thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người cai nghiện ma túy được tiếp nhận hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành quy trình cai nghiện ma túy phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện.

h. Về cai nghiện ma túy cho người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam (Điều 37):

Đây là điều luật được bổ sung, theo đó, Luật tạo điều kiện cho người nước ngoài cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy và phải chi trả toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện, nếu không đăng ký cai nghiện tự nguyện thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy thì phải tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy, nếu có kết quả xác định là nghiện ma túy thì phải thực hiện các biện pháp cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này.

i. Về miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc (Điều 39):

Luật quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

j. Về quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú (Điều 40):

Để khắc phục những bất cập của công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú thời gian vừa qua, Luật đã quy định cụ thể đối tượng và thời hạn quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và không quy định quản lý sau cai nghiện tại cơ sở cai nghiện; đồng thời, bổ sung quy định về nội dung quản

lý, hỗ trợ xã hội đối với người đã hoàn thành cai nghiện nhằm nâng cao hiệu quả thiết thực của công tác này trong thực tế. Cụ thể, Luật quy định người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định. Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

Trong đó, nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy; theo dõi, phát hiện, ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời, Luật quy định hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: hỗ trợ học văn hóa đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng.

Luật giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định và tổ chức quản lý, hỗ trợ xã hội sau cai nghiện ma túy. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, chế độ quản lý và chính sách hỗ trợ cho người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

k. Về trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng (Điều 42):

Nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống ma túy, nâng cao nguồn lực cho công tác phòng, chống ma túy, quản lý tốt người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, góp phần ngăn chặn, đấu tranh từng bước loại trừ tệ nạn ma túy, tội phạm về ma túy ra khỏi đời sống xã hội, Luật đã có những bổ sung về trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy và cộng đồng trong quá trình cai

nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và hòa nhập cộng đồng. Cụ thể, gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng; phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng. Đối với cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm động viên, giúp đỡ người nghiện ma túy; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

5. DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY TUYỆT ĐỐI CẤM SỬ DỤNG TRONG Y HỌC VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

CÁC CHẤT MA TÚY TUYỆT ĐỐI CẤM SỬ DỤNG TRONG Y HỌC VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI; VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHẤT NÀY TRONG PHÂN TÍCH, KIỂM NGHIỆM, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ĐIỀU TRA TỘI PHẠM THEO QUY ĐỊNH ĐẶC BIỆT CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ)

IA. Các chất và muối, đồng phân, ester, ether và muối của các đồng phân, ester, ether có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3-O-acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - endoetheno - oripavine	25333-77-1

2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3-fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
8	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> -oripavine	14521-96-1
9	Heroine	Diacetylmorphine	561-27-3
10	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
11	3-methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3
12	3-methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
13	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine	(5 α ,6 α) - 17 - Methyl - 7,8 - didehydro - 4,5 - epoxymorphinan - 3,6 - diol - bromomethane (1:1)	125-23-5

	Nitơ hóa trị V khác		
14	<i>Para</i> -fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
15	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
16	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6

IB. Các chất và muối, đồng phân có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
17	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
18	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
19	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
20	Delta-9-tetrahydrocannabinol	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
21	DMA	($\pm$) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
22	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
23	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
24	DOET	($\pm$) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6

25	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcylohexylamine	2201-15-2
26	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
27	MDMA	(±) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
28	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
29	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
30	4-methylaminorex	(±) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
31	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
32	(+)-Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N, N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
33	<i>N</i> -hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
34	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
37	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
38	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5

39	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexy) pyrrolidine	2201-39-0
40	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
41	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
42	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
43	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

IC. Các chất và muối có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
44	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6

ID. Các chất sau

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
45	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
46	Lá Khat	Lá cây Catha edulis	
47	Thuốc phiện và các chế phẩm từ thuốc phiện *		

* Trừ trường hợp ethyl este của acid béo iod hóa trong dầu hạt thuốc phiện mà không còn chứa chất ma túy từ thuốc phiện.

V. CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỆ NẠN CỜ BẠC

1. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Bộ Luật Hình sự năm 2015;
- Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

2. KHÁI QUÁT CHUNG

Tệ nạn cờ bạc là một loại tệ nạn xã hội bao gồm các hành vi lợi dụng các hình thức vui chơi giải trí để cá cược, sát phạt nhau bằng tiền hoặc vật chất.

2.1. TỆ NẠN CỜ BẠC BAO GỒM CÁC HÀNH VI:

- Đánh bạc: là hành vi dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác để sát phạt được thua thông qua các trò chơi.
- Tổ chức đánh bạc: là hành vi rủ rê, lôi kéo, tập hợp người khác cùng đánh bạc, người tổ chức cũng có thể cùng tham gia đánh bạc.
- Gá bạc: là hành vi dùng nhà ở của mình hoặc địa điểm khác để chứa các đám bạc từ đó trục lợi cho mình qua những người đánh bạc.

2.2. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA TỆ NẠN CỜ BẠC BAO GỒM:

Đối tượng tổ chức đánh bạc, đối tượng gá bạc và đối tượng đánh bạc.

Tệ nạn cờ bạc trong những năm qua có những diễn biến hết sức phức tạp, có xu hướng tăng cả về số vụ và tính chất nghiêm trọng, xuất hiện nhiều hình thức mới trong hoạt, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi xảo quyệt, hoạt động có sự câu kết với các đối tượng là người nước ngoài, hoạt động xuyên quốc gia.

2.3. ĐẶC ĐIỂM CỦA TỆ NẠN CỜ BẠC:

Tệ nạn cờ bạc được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: tổ tôm, chắn cạ, xóc đĩa, tam cúc, xì tố, xập xám, tú lơ khơ, tá lả...và các hình thức cá cược khác. Tệ nạn cờ bạc có nhiều người mắc phải và có tính lây lan phát triển nhanh, rất đa dạng bao gồm nhiều thành phần có nghề nghiệp, độ tuổi, trình độ văn hoá khác nhau (cán bộ công nhân viên chức nhà nước, học sinh, sinh viên, đối tượng không nghề, nghề nghiệp không ổn định, lưu manh...).

Các đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc, chứa bạc có nhiều thủ đoạn hoạt động tinh vi xảo quyệt để đối phó lại sự phát hiện của quần chúng nhân dân và hoạt động điều tra của cơ quan công an. Chúng hình thành các ổ nhóm, đường dây để hoạt động, thường xuyên thay đổi địa bàn, nhiều tổ chức đường dây hoạt động liên địa bàn, xuyên quốc gia.

Tệ nạn cờ bạc có quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự và các hiện tượng tiêu cực khác như mại dâm, ma túy; gây ra hậu quả tác hại lớn cho đời sống xã hội và gây khó khăn cho công tác giữ gìn trật tự xã hội.

3. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CỜ BẠC

- Do mặt trái của nền kinh tế thị trường, kéo theo sự bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng tăng; một bộ phận người dân lo làm ăn phát triển kinh tế, thiếu sự quan tâm nhắc nhở, động viên, giáo dục con em và người thân, hoặc khi người lao động thất nghiệp, không có công việc làm ổn định, thời gian rảnh rỗi nhiều, tâm lý buồn chán... dễ bị lôi kéo tham gia các tệ nạn xã hội để giải trí, kiếm tiền bất chính, trong đó có cờ bạc.

- Do lòng tham từ những người ưa thích lối sống nhàn hạ, ngại làm việc vất vả, muốn kiếm tiền thông qua vận đen đỏ; từ đó, tạo điều kiện cho một số đối tượng xấu đứng ra lôi kéo tham gia vào các đường dây đánh bạc nhằm thực hiện mục đích trục lợi của chúng.

- Do truyền thống của địa phương và một số gia đình trong những dịp lễ, tết, đám cưới, đám tang, trong các tiệc liên hoan, sinh nhật... thường tổ chức những trò chơi dân gian như đá gà, đánh bài, tài xỉu, bầu cua..., coi đây là loại hình giải trí không thể thiếu, số tiền dùng để cờ bạc tăng dần, số người tham gia cũng đông hơn và ngày càng lún sâu vào tệ nạn.
- Do công tác quản lý Nhà nước của cơ quan chức năng, nhất là công tác phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, hiệu quả chưa cao, nên một bộ phận người dân còn thiếu ý thức, dễ bị sa ngã khi có đối tượng xấu lôi kéo tham gia cờ bạc.

4. HẬU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG CỜ BẠC

- Cờ bạc luôn gây ra nhiều hệ lụy cho bản thân người chơi, lúc đầu chỉ để giải trí, tham gia với quy mô nhỏ lẻ, tuy nhiên do tính chất ăn thua, vận may rủi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên cường độ tham gia ngày càng nhiều, lâu dần sinh ra nghiện, càng lún sâu và làm mất chí hướng phấn đấu, ngán ngại làm ăn phát triển kinh tế. Nhiều người bị thua bạc dẫn đến thiếu nợ, mất khả năng chi trả, phải cầm cố, bán tài sản để trả nợ, kinh tế gia đình bị cạn kiệt, thậm chí bỏ địa phương trốn đi nơi khác.
- Để có tiền đánh bạc, người chơi phải vay lãi nặng, tham gia các đường dây tín dụng đen và khi không còn khả năng chi trả, chủ nợ có thể cho các đối tượng xấu đến dùng nhiều biện pháp đe dọa, khủng bố, thậm chí truy sát, buộc trả số nợ đã vay. Từ đó, làm cho người thân mất niềm tin, bạn bè xa lánh, gây ra mâu thuẫn, dẫn đến hạnh phúc gia đình bị tan vỡ.
- Thực tế cho thấy, những hộ gia đình có ông, bà, cha, mẹ nghiện cờ bạc thì đều không yên ấm, tan nát cửa nhà, con cái hư hỏng, phải bỏ học vì người lớn không còn thời gian quan tâm, nuôi dạy, mà chỉ biết dành thời gian kiếm tiền để đánh bạc. Và người lớn đã trở thành tấm gương xấu cho

con trẻ, các thế hệ sau tiếp tục tham gia cờ bạc, tương lai không còn lối thoát.

- Đối tượng tham gia cờ bạc thường tụ tập thành những điểm, tụ điểm lôi kéo đông người; trong đó, có một bộ phận thanh, thiếu niên ăn chơi lêu lổng và tham gia tệ nạn ma túy, mại dâm. Cờ bạc cũng là một trong những nguyên nhân, điều kiện phát sinh các loại tội phạm như trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản, giết người, cố ý gây thương tích... Nhiều trường hợp do khủng hoảng tinh thần vì không có tiền trả nợ nên bị chủ nợ gây áp lực dẫn đến tự tử, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

5. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM CÓ LIÊN QUAN

5.1. TỘI ĐÁNH BẠC (THEO ĐIỀU 321 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015)

- Tại Khoản 1, quy định: Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 (Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc) của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Tại Khoản 2, quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;

d) Tái phạm nguy hiểm.

- Tại Khoản 3, quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

5.2. TỘI TỔ CHỨC ĐÁNH BẠC HOẶC GÁ BẠC (THEO ĐIỀU 322 BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015)

Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép trong một số trường hợp cụ thể, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 10 năm.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

5.3. PHẠT TIỀN VỀ HÀNH VI ĐÁNH BẠC TRÁI PHÉP (THEO ĐIỀU 28 NGHỊ ĐỊNH SỐ 144/2021/NĐ-CP²)

Điều 28 của Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt hành vi đánh bạc trái phép như sau

- Tại Khoản 1, quy định: Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi mua các số lô, số đề.

- Tại Khoản 2, quy định: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Đánh bạc trái phép bằng một trong các hình thức như xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đỏ đen, cờ thế, binh ấn độ 6 lá, binh

² Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

xập xám 13 lá, tiến lên 13 lá, đá gà, tài xỉu hoặc các hình thức khác với mục đích được, thua bằng tiền, tài sản, hiện vật;

b) Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử trái phép;

c) Cá cược trái phép trong hoạt động thi đấu thể thao, vui chơi giải trí hoặc các hoạt động khác.

- Tại Khoản 3, quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Nhận gửi tiền, cầm đồ, cho vay trái phép tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác;

b) Bán số lô, số đề, bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề, giao lại cho người khác để hưởng hoa hồng;

c) Giúp sức, che giấu việc đánh bạc trái phép;

d) Bảo vệ các điểm đánh bạc trái phép;

đ) Chủ sở hữu, người quản lý máy trò chơi điện tử, chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử hoặc các cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác thiếu trách nhiệm để xảy ra hoạt động đánh bạc ở cơ sở do mình quản lý.

- Tại Khoản 4, quy định: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tổ chức đánh bạc sau đây:

a) Rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép;

b) Dùng nhà, chỗ ở, phương tiện, địa điểm khác của mình hoặc do mình quản lý để chứa chấp việc đánh bạc;

c) Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử trái phép;

d) Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép.

- Tại Khoản 5, quy định: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tổ chức đánh đề sau đây:

- a) Làm chủ lô, đề;
- b) Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề;
- c) Tổ chức mạng lưới bán số lô, số đề;
- d) Tổ chức cá cược trong hoạt động thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí hoặc dưới các hoạt động khác để đánh bạc, ăn tiền.

- Tại Khoản 6, quy định hình thức xử phạt bổ sung như sau:

- + Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 1; khoản 2; các điểm a và b khoản 3; các điểm b, c và d khoản 4 và khoản 5 Điều này;
- + Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;
- + Trục xuất người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Ngoài ra cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; khoản 2; các điểm a và b khoản 3; các điểm b, c và d khoản 4 và khoản 5 Điều này.

VI. CÁC QUY ĐỊNH VỀ GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

Gây rối trật tự công cộng là hành vi cố ý làm mất tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỷ luật ở nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng và có thể gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

Hành vi gây rối trật tự công cộng là các hành vi xâm phạm đến con người, đến quyền hoặc lợi ích hợp pháp của họ hoặc xâm phạm đến sở hữu và diễn ra tại nơi công cộng. Trong đó, nơi công cộng được hiểu là những địa điểm "kín" (rạp hát, rạp chiếu bóng...) hoặc "mở" (sân vận động, công viên, đường phố...) mà ở đó các hoạt động chung của xã hội được diễn ra thường xuyên hoặc không thường xuyên.

1. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Bộ Luật Hình sự năm 2015;
- Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

2. BIỂU HIỆN CỦA HÀNH VI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

Biểu hiện cụ thể của hành vi gây rối trật tự công cộng có thể là:

- Lời nói, cử chỉ thiếu văn hóa xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của một hoặc nhiều người;
- Hành vi phá phách hoặc làm ô uế các công trình, thiết bị ở nơi công cộng;
- Hò hét, tạo tiếng động gây ồn ã, đua xe máy trái phép;
- Hành hung người làm nhiệm vụ hoặc người tự nguyện tham gia bảo vệ trật tự nơi công cộng;

- Tự tập ẩu đả, đánh nhau ở nơi công cộng...

3. XỬ LÝ HÀNH CHÍNH VỀ VI PHẠM VỀ TRẬT TỰ CÔNG CỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

3.1 XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ VI PHẠM VỀ TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

Theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP, xử lý vi phạm hành chính về trật tự công cộng gồm những mức phạt sau:

3.1.1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Gây mất trật tự công cộng ở nơi biểu diễn nghệ thuật, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, trụ sở cơ quan, tổ chức, khu dân cư hoặc ở những nơi công cộng khác, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, điểm b khoản 5 Điều này;
- b) Thả rông động vật nuôi trong đô thị hoặc nơi công cộng;
- c) Để vật nuôi, cây trồng hoặc các vật khác xâm lấn lòng đường, vỉa hè, vườn hoa, sân chơi, đô thị, nơi sinh hoạt chung trong khu dân cư, khu đô thị;
- d) Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- đ) Vứt rác hoặc bỏ bất cứ vật gì khác lên tường rào và khu vực liền kề với mục tiêu bảo vệ;
- e) Chăn, thả gia súc, gia cầm trong chung cư.

3.1.2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau;
- b) Không thực hiện các quy định về giữ yên tĩnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhà điều dưỡng, trường học hoặc ở những nơi khác có quy định phải giữ yên tĩnh chung;
- c) Bán hàng ăn uống, giải khát quá giờ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3.1.3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Sử dụng rượu, bia, các chất kích thích gây mất trật tự công cộng;
- b) Tổ chức, tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng;
- c) Để động vật nuôi gây thương tích hoặc gây thiệt hại tài sản cho tổ chức, cá nhân khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Thả diều, bóng bay, các loại đồ chơi có thể bay ở khu vực cấm, khu vực mục tiêu được bảo vệ;
- đ) Sử dụng tàu bay không người lái hoặc phương tiện bay siêu nhẹ chưa được đăng ký cấp phép bay hoặc tổ chức các hoạt động bay khi chưa có giấy phép hoặc đã đăng ký nhưng điều khiển bay không đúng thời gian, địa điểm, khu vực, tọa độ, giới hạn cho phép;
- e) Cản trở, sách nhiễu, gây phiền hà cho người khác khi bốc vác, chuyên chở, giữ hành lý ở chợ, bến tàu, bến xe, sân bay, bến cảng, ga đường sắt và nơi công cộng khác;
- g) Đốt và thả "đèn trời";

- h) Không có đủ hồ sơ, tài liệu mang theo khi khai thác tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ;
- i) Tổ chức các hoạt động bay của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ khi người trực tiếp khai thác, sử dụng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay;
- k) Tổ chức các hoạt động bay của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ khi phương tiện bay chưa đáp ứng các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay;
- l) Phun sơn, viết, vẽ, dán, gắn hình ảnh, nội dung lên tường, cột điện hoặc các vị trí khác tại khu vực dân cư, nơi công cộng, khu chung cư, nơi ở của công dân hoặc các công trình khác mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.
- m) Dùng loa phóng thanh, chiêng, trống, còi, kèn hoặc các phương tiện khác để cổ động ở nơi công cộng mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền.

3.1.4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Có hành vi khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 và Điều 54 Nghị định này;
- b) Tổ chức, thuê, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Báo thông tin giả, không đúng sự thật đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- d) Gọi điện thoại đến số điện thoại khẩn cấp 111, 113, 114, 115 hoặc đường dây nóng của cơ quan, tổ chức để quấy rối, đe dọa, xúc phạm;
- đ) Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển “đèn trời”;
- e) Thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ không có đủ hồ sơ, tài liệu pháp lý được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc đăng ký theo quy định;
- g) Thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ không duy trì đủ điều kiện về nguồn nhân lực theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- h) Thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ không duy trì đủ điều kiện về trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ, nhà xưởng, sân bãi theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- i) Thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ không bảo đảm tiêu chuẩn an ninh, an toàn và các điều kiện về môi trường theo quy định của pháp luật.

3.1.5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Tổ chức thuê, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ hoặc kích động người khác gây rối, làm mất trật tự công cộng;
- b) Mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát

thương; đồ vật, phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác;

c) Lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, tôn giáo để tổ chức, thuê, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

d) Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức;

đ) Tổ chức, tham gia tập trung đông người trái pháp luật tại cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước hoặc các địa điểm, khu vực cấm;

e) Đổ, ném chất thải, chất bẩn, hóa chất, gạch, đất, đá, cát hoặc vật khác vào nhà ở, nơi ở, vào người, đồ vật, tài sản của người khác, vào trụ sở cơ quan, tổ chức, nơi làm việc, nơi sản xuất, kinh doanh, mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu;

g) Vào mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu trái phép;

h) Sử dụng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ treo cờ, biểu ngữ, thả truyền đơn, phát loa tuyên truyền ngoài quy định của phép bay;

i) Viết, phát tán, lưu hành tài liệu, hình ảnh có nội dung xuyên tạc, bịa đặt, vu cáo làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

3.1.6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- b) Gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc công cụ, đồ vật, phương tiện khác có khả năng sát thương;
- c) Quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ địa điểm cấm, khu vực cấm liên quan đến quốc phòng, an ninh;
- d) Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- đ) Sàm sỡ, quấy rối tình dục;
- e) Khiêu dâm, kích dục ở nơi công cộng;
- g) Thực hiện thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ có chủng loại hoặc chất lượng không phù hợp với loại sản phẩm đã đăng ký theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- h) Sử dụng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ phóng, bắn, thả từ trên không các loại vật, chất gây hại hoặc chứa đựng nguy cơ gây hại khi không được phép.

3.1.7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi:

Sử dụng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ quay phim, chụp ảnh từ trên không khi không được phép.

3.1.8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi:

Thực hiện hoạt động bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ không đúng nội dung trong phép bay do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3.1.9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi:

Sử dụng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ nhưng không chấp hành các lệnh, hiệu lệnh của cơ quan quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay.

3.1.10. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi:

Thực hiện thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ khi chưa có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3.1.11. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi:

Thực hiện hoạt động bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ khi chưa có phép bay do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3.1.12. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi:

Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ cản trở hoặc gây mất an toàn cho các phương tiện bay khác.

3.2. TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

Theo quy định của Bộ luật Hình sự, tại Điều 318 quy định về tội gây rối trật tự công cộng như sau:

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;

- c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;
- d) Xúi giục người khác gây rối;
- đ) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;
- e) Tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, đối với tội gây rối trật tự công cộng thì mức phạt tù cao nhất lên đến 07 năm tù.

Các yếu tố cấu thành tội phạm gây rối trật tự công cộng gồm 4 yếu tố cơ bản:

a. Mặt khách quan:

Mặt khách quan của tội phạm này có các dấu hiệu sau:

+ Về hành vi. Có hành vi gây rối trật tự công cộng. Đây là hành vi của những người có thái độ coi thường trật tự những nơi đông người như chợ, trường học, nhà thờ, công viên, nhà ga, bến xe, bến tàu...cụ thể như: Có lời nói thô tục xúc phạm những người xung quanh tại nơi công cộng; Có hành vi thô bạo xúc phạm những người xung quanh tại nơi công cộng (đặc biệt là phụ nữ); Có hành vi dùng vũ lực để quấy phá, làm hư hỏng tài sản của nhà nước, của công dân ở nơi công cộng (như đập phá tượng đài, làm hư các biểu tượng, tranh cổ động, xe ô tô...)...

+ Hành vi nêu trên phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội này. Hậu quả xảy ra mà thuộc một trong các trường hợp sau đây bị coi là "gây hậu quả nghiêm trọng" và phải chịu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự: Cản trở, ách tắc giao thông đến dưới

2 giờ; Cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân; Thiệt hại về tài sản có giá trị từ mười triệu đồng trở lên; Chết người...

Ngoài các hậu quả xảy ra về tính mạng, sức khỏe và tài sản được hướng dẫn trên đây, thực tiễn cho thấy có thể còn có hậu quả phi vật chất như hành vi trên có ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, ngoại giao, đến trật tự, an toàn xã hội... Trong các trường hợp này phải tùy theo từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ hậu quả do tội phạm gây ra có phải là nghiêm trọng hay không.

b. Khách thể:

Hành vi nêu trên xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, đồng thời còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác.

c. Mặt chủ quan:

Người phạm tội thực hiện tội phạm này với lỗi cố ý.

d. Chủ thể:

Chủ thể của tội phạm này là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo đó, người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 05 - 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Khung tăng nặng của tội này là bị phạt tù từ 02 - 07 năm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Phạm tội có tổ chức;

- Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;
- Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;
- Xúi giục người khác gây rối;
- Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;
- Tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, người phạm tội gây rối trật tự công cộng có thể bị phạt tiền đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm, phạt tù đến 07 năm.

Hành vi gây rối trật tự công cộng còn có thể cấu thành tội xâm phạm sở hữu hoặc tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, khi hành vi này đã gây ra thiệt hại cho sở hữu, sức khỏe đến mức cấu thành tội phạm hoặc đã gây thiệt hại cho tính mạng./.

Biên soạn nội dung và thiết kế: **Phòng Thanh tra Pháp chế - Trường Đại học Quốc tế**

*Mọi thông tin chi tiết về **CẨM NANG PHÁP LUẬT DÀNH CHO SINH VIÊN**, liên hệ:
Phòng Thanh tra Pháp chế - Trường Đại học Quốc tế

 02.710, Trường Đại học Quốc tế, Khu Phố 6, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM



ttpc@hcmiu.edu.vn



<https://ttpc.hcmiu.edu.vn/>



<https://www.facebook.com/ttpchcmiu>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CẨM NANG PHÁP LUẬT DÀNH CHO SINH VIÊN

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Biên soạn nội dung và thiết kế: Phòng Thanh tra Pháp chế - Trường Đại học Quốc tế

*Mọi thông tin chi tiết về **CẨM NANG PHÁP LUẬT DÀNH CHO SINH VIÊN**, liên hệ:
Phòng Thanh tra Pháp chế - Trường Đại học Quốc tế

 Phòng O2.710, Trường Đại học Quốc tế, Khu Phố 6, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM



ttpc@hcmiu.edu.vn



<https://ttpc.hcmiu.edu.vn/>



<https://www.facebook.com/ttpchcmiu>